# Đặc tả Use Case

|  |  |
| --- | --- |
| Tên UseCase | Đăng nhập |
| Tác nhân | Người quản lý, thủ kho, nhân viên bán hàng |
| Mô tả | Use case này cho người dùng đăng nhập vào hệ  thống để thực hiện các nhiệm vụ của từng người |
| Điều kiện tiên quyết | Phải có tài khoản do quản lý cung cấp  Hồ sơ nhân viên được cập nhật trong hệ thống |
| Dòng sự kiện chính | 1. Nhân viên nhập tài khoản mật khẩu vào hệ thống.  2. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ tài khoản của nhân  viên.  3. Đăng nhập thành công.  4. Hiện giao diện chương trình |
| Dòng sự kiện phụ | A1 - Tài khoản mật khẩu không hợp lệ:  Chuỗi A1 bắt đầu từ bước 1 của dòng sự kiện chính.  2. Hệ thông cho phép nhập lại tài khoản mật khẩu của nhân viên hoặc chọn kêt thúc.  Trở lại bước 1 dòng sự kiện chính |

**Bảng 1: Use Case Đăng nhập**

|  |  |
| --- | --- |
| Tên UseCase | Lập hóa đơn |
| Tác nhân | Nhân viên bán hàng |
| Mô tả | Use case này bắt đầu khi nhân viên chọn chức năng lập hóa đơn để tính tiền và xuất hóa đơn cho khách hàng |
| Điều kiện tiên quyết | Khách hàng có mua hàng trong siêu thị và có nhu cầu tính tiền.  Các mã hàng, đơn giá đã được cập nhật trong hệ thông. |
| Dòng sự kiện chính | 1. Nhân viên quét mã vạch của từng mặt hàng.  2. Hệ thông tự động tính tổng số tiền khách phải trả dựa trên đơn giá của mặt hàng, số lượng hàng mà khách mua, thuê giá trị gia tăng đã được lưu trong hệ thông.  3. Khách hàng đưa thẻ Khách Hàng Thân Thiện.  4. Nhân viên bán hàng quét mã vạch của thẻ Khách Hàng Thân Thiện.  5. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của mã vạch.  6. Hệ thống cộng điểm tích luỹ cho khách hàng.  7. Nhân viên bán hàng in hóa đơn cho khách hàng. |
| Dòng sự kiện phụ | A1 - Khách hàng không có thẻ Khách Hàng Thân Thiện:  Chuỗi A1 bắt đầu từ bước 3 của dòng sự kiện chính.  4. Hệ thông bỏ qua bước 4,5,6.  Trở lại bước 7 của dòng sự kiện chính ..  A2 - Mã vạch thẻ Khách Hàng Thân Thiện không hợp lệ:  Chuỗi A2 bắt đầu từ bước 4 của dòng sự kiện chính.  5. Hệ thông cho phép quét lại mã vạch hoặc chọn kêt thúc.  Trở lại bước 4 của dòng sự kiện chính. |

**Bảng 2: Use case lập hoá đơn.**

|  |  |
| --- | --- |
| Tên UseCase | Tạo phiếu nhập hàng |
| Tác nhân | Thủ kho |
| Mô tả | Use case này cho phép thủ kho tạo phiếu nhập hàng vào kho. |
| Điều kiện tiên quyết | Có hàng nhập về.  Có thông tin Quản lý nhập hàng từ người  quản lý. |
| Dòng sự kiện chính | 1. Thủ kho chọn chức năng tạo phiếu nhập hàng của hệ thống.  2. Hệ thống yêu cầu thủ kho điền thông tin hàng hóa vào phiếu nhập hàng.  3. Thủ kho điền thông tin vào phiếu nhập hàng.  4. Hệ thống cấp mã số phiếu nhập hàng và lưu thông tin.  5. Hệ thống hỏi thủ kho có in phiếu nhập hàng không.  6. Thủ kho chọn in phiếu nhập hàng.  7. Hệ thống in phiếu nhập hàng cho thủ kho. |
| Dòng sự kiện phụ | A1 - Thủ kho không in phiếu nhập hàng:  Chuỗi A1 bắt đầu từ bước 5 của dòng sự kiện chính.  6. Thủ kho không yêu cầu in phiếu nhập hàng.  7. Use case kêt thúc. |

**Bảng 3: Use case tạo phiếu nhập hàng**.

|  |  |
| --- | --- |
| Tên UseCase | Quản lý nhập hàng |
| Tác nhân | Người quản lý |
| Mô tả | Use case này cho phép người quản lý nhập hàng vào siêu thị. Khi hàng hóa hết hay có nhu cầu thêm hàng, người quản lý sẽ nhập thông tin hàng cần nhập, thông tin này làm cơ sở cho thủ kho nhập hàng vào kho. |
| Điều kiện tiên quyết | Mã hàng và thông tin nhà sản xuất đã được cập nhật trong hệ thống. |
| Dòng sự kiện chính | 1. Người quản lý chọn chức năng quản lý nhập hàng của hệ thống.  2. Hệ thống yêu cầu nhập mã hàng cần nhập.  3. Người quản lý nhập mã hàng.  4. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của mã hàng.  5. Hệ thống yêu câu nhập số lượng.  6. Người quản lý nhập số lượng hàng cần  nhập.  7. Hệ thông ghi nhận số lượng.  8. Hệ thông yêu cầu nhập mã nhà sản xuât.  9. Người quản lý nhập mã nhà sản xuât.  10. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của mã nhà sản xuất.  11. Hệ thống chuyển thông tin vừa nhập đến thủ kho. |
| Dòng sự kiện phụ | A1 - Người quản lý nhập mã hàng không hợp lệ:  Chuỗi A1 bắt đầu từ bước 4 của kịch bản thường.  5. Hệ thông hỏi người quản lý có muốn thêm mặt hàng này vào hệ thống không.  6. Người quản lý chọn thêm hàng.  7. Hệ thông yêu câu nhập tên mặt hàng.  8. Người quản lý nhập tên hàng.  9. Hệ thống lưu mã hàng và tên hàng.  Trở lại bước 5 của dòng sự kiện chính.  A1.1 - Người quản lý không chọn thêm hàng.  Chuỗi A1.1 bắt đầu từ bước 5 của dòng sự  kiện phụ A1.  6. Người quản lý không chọn thêm hàng.  Trở lại bước 2 của dòng sự kiện chính.  A2 - Người quản lý nhập sai mã nhà sản xuât:  Chuỗi A2 bắt đầu từ bước 10 của dòng sự kiện chính.  11. Hệ thống hỏi người quản lý có muốn thêm mã nhà sản xuât này vào hệ thống không.  12. Người quản lý chọn thêm mã nhà sản xuất.  13. Hệ thông yêu cầu nhập tên nhà sản xuất.  14. Người quản lý nhập nhà sản xuất.  15. Hệ thống lưu mã nhà sản xuất và tên sản xuất.  Trở lại bước 10 của dòng sự kiện chính.  A2.1 - Người quản lý không chọn thêm hàng.  Chuỗi A2.1 bắt đầu từ bước 11 của dòng sự kiện phụ. A2.  12. Người quản lý không chọn thêm mã nhà sản xuât.  Trở lại bước 8 của dòng sự kiện chính. |

**Bảng 4: Use case quản lý nhập hàng**.

|  |  |
| --- | --- |
| Tên UseCase | Thống kê |
| Tác nhân | Người quản lý |
| Mô tả | Use case này cho phép người quản lý thống kê doanh thu của siêu thị. |
| Điều kiện tiên quyết | Không có |
| Dòng sự kiện chính | 1. Người quản lý chọn chức năng thống kê.  2. Hệ thống yêu cầu chọn hình thức thống kê.  3. Người quản lý chọn hình thức thống kê (tháng, quí, thời điểm hiện tại)  4. Hệ thống hiển thị bảng thông kê,doanh thu ....  5. Hệ thống hỏi người quản lý có muốn in bảng thống kê hay không.  6. Người quản lý yêu câu in bảng thống kê.  7. Hệ thống in bảng thống kê cho người quản lý. |
| Dòng sự kiện phụ | A1 - Người quản lý không in bằng thống kê:  Chuỗi A1 bắt đầu từ bước 5 của dòng sự kiện chính.  6. Người quản lý không yêu cầu in bảng thông kê.  7. Use case kết thúc. |

**Bảng 5: Use case thống kê**.

|  |  |
| --- | --- |
| Tên UseCase | Quản lý khách hàng thân thiện |
| Tác nhân | Người quản lý |
| Mô tả | Use case này cho phép người quản lý thêm thông tin Khách Hàng Thân Thiện. |
| Điều kiện tiên quyết | Khách hàng muốn làm thẻ Khách Hàng Thân Thiện.  Khách hàng chỉ cần mua 1 hóa đơn bât kỳ. |
| Dòng sự kiện chính | 1. Người quản lý chọn chức năng thêm Khách Hàng Thân Thiện của hệ thống.  2. Hệ thống yêu cầu người quản lý nhập tên khách hàng.  3. Người quản lý nhập tên khách hàng vào.  4. Hệ thống yêu cầu nhập ngày sinh khách hàng.  5. Người quản lý nhập ngày sinh.  6. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của ngày sinh và yêu cầu nhập địa chỉ.  7. Người quản lý nhập địa chỉ.  8. Hệ thống kiểm tra toàn bộ thông tin vừa nhập.  9. Hệ thông tự động cập nhật ngày tạo thẻ, cấp mã số khách hàng và lưu thông tin. |
| Dòng sự kiện phụ | A1 - Ngày sinh không hợp lệ:  Chuỗi A1 bắt đầu từ bước 6 của dòng sự kiện chính.  7. Thông báo ngày nhập vào không chính xác.  Trở lại bước 4 của dòng sự kiện chính.  A2 - Thông tin khách hàng vừa nhập đa có  trong hệ thống:  chuỗi A2 bắt đầu từ bước 8 của dòng sự kiện chính.  5. Thông báo đã có khách hàng này trong hệ thống Khách Hàng Thân Thiện.  6. Hệ thông huy toàn bộ thông tin vừa nhập.  7. Use case kết thúc. |

**Bảng 6: Use case quản lý khách hàng thân thiện**.

|  |  |
| --- | --- |
| Tên UseCase | Kiểm kê hàng |
| Tác nhân | Thủ kho |
| Mô tả | Use case này cho phép thủ kho kiểm kê hàng hóa trong kho, số lượng của từng loại hàng, hạn sử dụng của từng mặt hàng. |
| Điều kiện tiên quyết | Không có |
| Dòng sự kiện chính | 1. Thủ kho chọn chức năng kiểm kê hàng.  2. Hệ thống yêu cầu chọn hình thức kiểm kê (theo mã hàng, tât cả).  3. Thủ kho lựa chọn hình thức kiểm kê.  4. Hệ thống hiển thị mã hàng, số lượng mặt hàng tương ứng.  5. Hệ thống hỏi thủ kho có muốn in bảng kiểm kê không.  6. Thủ kho chọn in bảng kiểm kê.  7. Hệ thống in bảng kiểm kê cho thủ kho. |
| Dòng sự kiện phụ | A1 - Thủ Kho không yêu câu in bảng Kiểm Kê:  Chuỗi A1 bắt đầu từ bước 5 của dòng sự kiện chính.  6. Thủ kho không yêu cầu in bảng thống kê  7. Use case kêt thúc. |

**Bảng 7: Use case kiểm kê hàng.**

|  |  |
| --- | --- |
| Tên UseCase | Tạo phiếu trả hàng |
| Tác nhân | Thủ kho |
| Mô tả | Use case này cho phép thủ kho lập phiếu trả hàng cho cung cấp. |
| Điều kiện tiên quyết | Mặt hàng muốn trả phải có trong hệ thống. |
| Dòng sự kiện chính | 1. Thủ kho chọn chức năng tạo phiểu trả hàng của hệ thông.  2. Hệ thống yêu cầu nhập mã hàng cần trả  3. Thủ kho nhập mã hàng cân trả.  4. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của mã hàng.  5. Hệ thống yêu cầu chọn lý do trả hàng (hàng lỗi, hàng hết hạn sử dụng).  6. Thủ kho chọn lý do trả hàng.  7. Hệ thống tự cấp số thứ tự phiếu tạo Hàng, lưu thông tin.  8. Hệ thống hỏi thủ kho có in phiếu trả hàng không.  9. Thủ kho chọn in phiếu trả hàng.  10. Hệ thông in phiếu trả hàng cho thủ kho. |
| Dòng sự kiện phụ | A1 - Thủ kho nhập sai mã hàng cần trả:  Chuỗi A1 bắt đầu từ bước 4 của dòng sự kiện chính.  5. Hệ thống thông báo mã hàng sai.  Trở lại bước 2 của kịch bản thường.  A2 - Thủ kho không yêu cầu in phiếu trả hàng:  Chuỗi A2 bắt đầu từ bước 8 của dòng sự kiện chính.  6. Thủ kho không yêu câu in bảng thống kê.  7. Use case kêt thúc. |

**Bảng 8: Use Case tạo phiếu trả hàng**